

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2021

V/v : “*Kiến xin ly hôn, tranh
chấp việc nuôi con chung*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Nguyễn Trọng Bộ.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Phạm Văn Bảy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2021 về việc Kiến xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXX-ST ngày 09/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn G, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn D, sinh năm 1980. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Chị L và anh D đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/11/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, vui vẻ. Sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè cờ bạc. Anh D thường xuyên đánh chửi vợ con, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị. Chị đã cố gắng để vượt qua vì gia đình, con cái nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về quan hệ con chung: Chị và anh D có hai con chung là Phạm Thị Mai P,

sinh năm 2001, đã trưởng thành tự lập và Phạm Đức D1, sinh ngày 11/7/2008. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu D1 và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị là công nhân, thu nhập bình quân khoảng 6 triệu/tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh D không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh D trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bản thân anh nhiều lần rượu say không làm chủ được bản thân nên đã chửi mắng vợ con và lúc buồn thì đánh bạc. Nay chị L xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, anh vẫn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh chị có hai con chung là Phạm Thị Mai P, sinh năm 2001, đã trưởng thành tự lập và Phạm Đức D1, sinh ngày 11/7/2008. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cháu D1 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản: Không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh D; xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đức D1 và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D xin được vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh D. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Phạm Đức D1 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu D1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp

nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:* Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn D đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D là do cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc, anh D hay chửi mắng vợ con. Bản thân anh D cũng xác định anh hay say rượu không làm chủ được bản thân đã mắng chửi vợ con, hay đánh bạc. Qua lời khai của cháu D1 là con anh D chị L và qua xác minh tại địa phương thôn C, xã T, xác định được anh D thường hay rượu say, cờ bạc, vợ chồng chị L anh D thường hay đánh cãi nhau, địa phương đã động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị L và anh D có hai con chung là Phạm Thị Mai P, sinh năm 2001, đã trưởng thành tự lập và Phạm Đức D1, sinh ngày 11/7/2008. Cháu D1 hiện đang ở cùng chị L. Chị L xin được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu D1 và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị L là công nhân, có thu nhập ổn định, anh D là lao động tự do. Cháu D1 có ý kiến xin được ở cùng chị L. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 là phù hợp, chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về quan hệ tài sản:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết. Sau này chị L anh D nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn D.

3/ Về quan hệ con chung: Giao cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Đức D1, sinh ngày 11/7/2008 đến khi cháu D1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0006433 ngày 08 tháng 7 năm 2021.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị L và anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện K;
- Lưu HS, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung